Câu 1.

Từ ngữ nào dưới đây là từ chỉ hoạt động?

A. lạc đà

B. sư tử

C. thả diều

D. con báo

Câu 2.

Câu nào thích hợp để miêu tả cảnh vật trong đoạn phim sau?

((Video)): Khoi 2/3 - Ôn luyện Trạng Nguyên Tiếng Việt - Khối 2 Năm học 2024 - 2025/14 - Ôn luyện giữa học kì I - Chân trời sáng tạo - 2024 - 2025.html

Pause

Play

A. Mấy chú bò sữa thong thả gặm cỏ trên cánh đồng cỏ xanh mướt.

B. Bác nông dân mang thức ăn vào chuồng cho đàn bò.

C. Đàn bò nằm nhai cỏ dưới gốc đa.

D. Đàn bò nối đuôi nhau theo bác nông dân về nhà.

Câu 3.

Hình ảnh nào dưới đây thích hợp để minh hoạ cho đoạn thơ sau?

Nhìn kìa đàn gà

Mào như hoa đỏ

Cái thấp, cái cao

Đi, đi trên cỏ...

(Phạm Hổ)

A.

A group of chickens on a wooden porch

Description automatically generated

B.

A group of chickens in a garden

Description automatically generated

C.

A house and ducks in a pond

Description automatically generated

Câu 4.

Giải câu đố sau:

Cây trồng quen thuộc nước ta

Cho lương thực chính, món quà trời ban

Ví như hạt ngọc, hạt vàng

Nuôi ta khôn lớn, dân làng ấm no.

Là cây gì?

A. cây sắn

B. cây khoai

C. cây lúa

D. cây đa

Câu 5.

Nghe và điền từ còn thiếu vào chỗ trống trong đoạn thơ sau:

((Audio))

Nắng Ba Đình mùa [[thu]]

Thắm vàng trên lăng Bác

Vẫn trong vắt bầu trời

Ngày Tuyên ngôn độc lập.

(Theo Nguyễn Phan Hách)

Câu 6.

Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

My đang luyện viết chữ đẹp, em đưa nét bút thật đều, nắn nót từng chữ trên chang giấy.

Câu văn trên có từ [[chang]] viết sai chính tả, sửa lại là [[trang]] .

Câu 7.

Ghép hai vế với nhau để tạo thành thành ngữ hoàn chỉnh.

- Danh lam [(thắng cảnh)]

- Rừng vàng [(biển bạc)]

- Non xanh [(nước biếc)]

Cột bên phải:

- biển bạc

- thắng cảnh

- nước biếc

Câu 8.

Xếp các từ ngữ sau vào nhóm thích hợp.

(Lưu ý: Với các từ ngữ không thuộc nhóm nào, em không xếp.)

ông bà

quét sân

quý mến

bạn bè

thầy cô

yêu thương

bố mẹ

anh chị

lau bàn

nhặt rau

kính trọng

Dưới đây là các nhóm:

Từ ngữ chỉ người thân trong gia đình [[ông bà || bố mẹ || anh chị]], [[ông bà || bố mẹ || anh chị]], [[ông bà || bố mẹ || anh chị]]

Từ ngữ chỉ tình cảm gia đình [[quý mến || yêu thương || kính trọng]], [[quý mến || yêu thương || kính trọng]], [[quý mến || yêu thương || kính trọng]]

Từ ngữ chỉ việc nhà em có thể làm [[quét sân || lau bàn || nhặt rau]], [[quét sân || lau bàn || nhặt rau]], [[quét sân || lau bàn || nhặt rau]]

Câu 9.

Sắp xếp các chữ sau thành từ chỉ đặc điểm của trẻ em.

ê

u

đ

n

á

g

y

[(N)] [(g)] [(u)] [(y)] [(ê)] [(đ)] [(á)]

Câu 10.

Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:

A group of children sitting around a fire

Description automatically generated

Các em nhỏ quây quần bên bếp lửa bập bùng, [[chăm chú]] nghe bà kể chuyện. Gương mặt ai nấy đều ánh lên vẻ thích thú và [[hào hứng]] lạ kì.